

gần đây, nhiều nơi các bang tổ chức không còn chặt chẽ, quan hệ dòng họ lại có mối liên kết mật thiết và quan trọng hơn.

Dù là những cư dân định cư đã lâu hay mới một hai đời, đại đa số người Hoa ở Việt Nam “muôn làm ăn yên ổn và có ý thức là công dân nước Việt Nam”. Cộng đồng người Hoa là một thành viên trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam, đã và đang có nhiều đóng góp lớn về kinh tế, xã hội cho đất nước Việt Nam thống nhất.

1.3. Quá trình hình thành và phát triển cộng đồng người Hoa ở Đồng Nai

1.3.1. Bối cảnh lịch sử vùng đất Đồng Nai cuối thế kỉ XVI đến thế kỉ XVII

Vào thế kỉ XVI, XVII, địa danh *Đồng Nai* (có khi được gọi là *Gia Định*) là tên gọi chung cả vùng đất Nam Bộ. Vùng đất ấy, theo Trịnh Hoài Đức, “*tiếp giáp bốn biển, các nước đều giao thông, các nước nhỏ bé xa xôi không làm sao sánh nổi*”. Vậy mà, hơn 1.100 năm, đến năm Nhâm Tuất (1802), đời vua Gia Khánh thì “*tên Nông Nại (Gia Định gọi là Đồng Nai, người Thanh gọi Gia Định là Nông Nại) mới được nêu nơi sử quán*” [60, 107]. Sử sách Việt Nam, phải đến *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn vào nửa cuối thế kỉ XVIII, xứ Đồng Nai mới được ghi chép: “*Ở phủ Gia Định, đất Đồng Nai, từ cửa biển Cần Giờ, Lôi Rạp (Soài Rạp), cửa đại, cửa tiểu trở vào, toàn là rừng rậm hàng ngàn dặm*” [57].

Chính sự hoang vu, dân cư thưa thớt của vùng đất này đã làm nơi lý tưởng cho việc định cư lập nghiệp của những lưu dân người Việt từ miền ngoài (chủ yếu là nông dân ở ngũ Quảng) không chịu nổi sự bóc lột của địa chủ phong kiến và do không chịu nổi cuộc chiến tranh Trịnh – Nguyễn kéo dài triền miên.

Trước khi những lưu dân vào khẩn hoang lập ấp thì đất Đồng Nai vẫn còn là đất tự do của các tộc người và hầu như là vô chủ, là đất hoang hóa cả về kinh tế lẫn chủ quyền từ lâu. Lúc bấy giờ đất Đồng Nai là địa bàn cư trú của một số dân tộc người bản địa như Châu Mạ, Châu Ro, S'tiêng,... Những cư dân bản địa dù sinh sống đã lâu đời, nhưng dân số còn thưa thớt, kỹ thuật sản xuất thô sơ, trình độ tổ chức xã hội còn thấp... Ngoài các dân tộc bản địa nói trên còn có số ít người Khơme sinh sống rải rác trong một vài sóc nhỏ, nằm heo hút trên các giồng đất cao.

Tiến trình di dân của người Việt từ vùng Ngũ Quảng (*Ngũ Quảng: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Đức*) vào đất Đồng Nai sinh cơ lập nghiệp được diễn ra từ cuối thế kỉ XVI, liên tục trong suốt thế kỉ XVII và các thế kỉ sau, từ lẻ tẻ, rời rạc, dần dần có quy mô lớn hơn, nhất là sau khi các chúa Nguyễn đã tạo ra ảnh hưởng của mình trên vùng đất này. "*Lúc bấy giờ tại xứ Nông Nại đã có số ít người Việt đến từ Đàng Ngoài, do công chúa Ngọc Vạn (con gái Sãi Vương) gả hôn với vua Chân Lạp Chey Chetta II, mở đường Nam tiến từ năm 1623, cho vào ở với Lạp Man và thổ Châu Mạ, rải rác theo rừng thưa chòi rậm, đầm ao sinh lầy, sống mộc mạc gần như du mục, bằng cách bắn chim săn thú, trồng rẫy tía lúa, hầm than, nuôi tằm hoặc giăng câu bùa lưới, theo ven sông Phước Long*" [92]. Trong số cư dân người Việt (Kinh) vào vùng đất Đồng Nai, ngoài nông dân chiếm số lượng đông đảo, còn có những người trốn tránh bệnh dịch, binh lính đào ngũ, tù nhân bị lưu đày, thầy lang, thầy đồ nghèo, thợ thủ công...

Từ Ngũ Quảng, họ di chuyển dần vào vùng đất mới phương Nam bằng đường bộ, đường biển với khoảng thời gian dài. Điểm dừng chân đầu tiên là Mỗi Xuy (còn gọi là

Mô Xoài - Bà Rịa) và từ đó tiến dần vào đất Đồng Nai định cư, khai mở đất hoang, dựng làng lập ấp. Những địa bàn cư trú sớm nhất là vùng phù sa cổ ven sông như Bến Gỗ, An Hoà, Long Hưng (huyện Long Thành), Cù Lao Phố, Bàn Lân (thành phố Biên Hoà), Cù Lao Tân Chánh, Cù Lao Tân Triều (huyện Vĩnh Cửu) ...

Những lưu dân Việt phiêu bạt vào Đồng Nai phần lớn là nông dân nên khi vào vùng đất mới, ngoài một số sinh sống bằng nghề khác nhau như buôn bán nhỏ, đánh bắt cá, khai thác gỗ, khai thác quặng, làm muối, làm mắm, dệt chiếu, đan lát... thì đại bộ phận vẫn sống bằng nghề nông. Với trí tuệ, sức lao động cần cù lại được thiên nhiên ưu đãi, họ đã từng bước biến vùng đất hoang vu, rừng rậm thành những xóm làng màu mỡ xanh tươi, làm thay đổi nhanh chóng diện mạo kinh tế-xã hội nơi đây. Sự thay đổi ấy càng diễn ra mạnh mẽ hơn khi có thêm một bộ phận lưu dân người Hoa theo chân Trần Thượng Xuyên vào địa phận Bàn Lân (Biên Hoà) sinh sống lập nghiệp vào năm 1679. Vào năm 1698, Lê Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh kinh lược xứ vào Nam đã lấy xứ Đồng Nai làm huyện Phước Long, đặt dinh Trấn Biên, “*chiêu mộ xiêu tán từ Quảng Bình trở vào đến ở, chia đặt thôn ấp, người Thanh trú ngụ cũng biên vào sổ hộ*” [127, tập 5, 36]. Khi đó, dân số cả vùng Đồng Nai được 4 vạn hộ (khoảng hơn 20 vạn người), nghĩa là vẫn còn khá thưa thớt.

1.3.2. Thương cảng Cù Lao Phố - bước khởi đầu của người Hoa trên đất Đồng Nai

Đồng Nai được xem là địa đầu trong tiến trình khẩn hoang toàn xứ Nam Bộ của lưu dân Việt. Nếu sự có mặt khai phá của lưu dân Việt là nhân tố quan trọng thì sự có mặt của nhóm cộng đồng người Hoa là nhân tố tích cực, góp phần tạo nên cơ sở: “dân khai mở trước, nhà nước cai trị sau” mà

thống suất Nguyễn Hữu Cảnh đã thực hiện trong chuyến kinh lược vào mùa xuân năm Mậu Dần (1698).

Cũng như nhiều lưu dân khác, có thể người Hoa đã vào vùng đất Đồng Nai - Gia Định từ khá sớm bởi “đây là vùng đất đai màu mỡ, địa thế có đủ ruộng đồng, đầm phá, sông, biển; muối, lúa, đậu rất nhiều” [60, 108-109]. Tuy nhiên, thời điểm năm 1679 được tất cả các sử sách ghi chép cẩn thận, được xem như một cuộc di dân có quy mô và tổ chức đầu tiên:

“Tháng 4 mùa hạ năm thứ 32 Ki Mùi (1698), quan Tổng binh thủy lục trấn thủ các xứ Long Môn (*Quảng Tây*) nước Đại Minh là Dương Ngạn Địch và Phó tướng Hoàng Tấn, quan Tổng binh trấn thủ các châu Cao, Lô, Liêm (*Quảng Đông*) là Trần Thắng Tài (*Trần Thượng Xuyên*), Phó tướng Trần An Bình dẫn quân và gia nhân hơn 3000 quân, chiến thuyền hơn 50 chiếc xin được vào Kinh bằng hai cửa biển Tư Dung và Đà Nẵng. Sớ tâu lên rằng, số người này tự xưng là người Minh bỏ trốn đi, họ thề quyết tận trung với nước, nhưng nay đã thề cùng lực tận, vận nhà Minh đã dứt, họ không thể thần phục triều Thanh nên chạy sang nước Nam nguyện được làm dân mọn...” [60, 110].

Chúa Nguyễn đã đồng ý lời thỉnh cầu trên nhưng xét vùng đất Đông Phố (Đồng Nai) “*màu mỡ, có đến ngàn dặm*”, “*bèn giao cho họ khai hoang đất ấy để ở*” [60, 110]. Chúa Nguyễn không những giữ nguyên chức hàm của Dương Ngạn Địch, Trần Thượng Xuyên... mà còn mở tiệc khoa đãi ân cần, lại phong cho tước trước khi họ vào Nam.

Nhóm Long Môn của Dương Ngạn Địch theo cửa Đại, cửa Tiểu đến định cư tại Mỹ Tho; nhóm Cao, Lô, Liêm của Trần Thượng Xuyên theo cửa biển Cần Giờ đến sinh sống ở Bàn Lân xứ Đồng Nai (thành phố Biên Hòa ngày nay). “*Nhóm người Hoa do Trần Thượng Xuyên cầm đầu đến định*

cur ở Biên Hòa bao gồm những binh lính, thương nhân và số quý tộc phong kiến cùng gia quyến của họ, thuộc các nhóm Hải Nam, Phước Kiến, Triều Châu, Hẹ và Quảng Đông” [92]. Tuy không biết chính xác số người theo chân Trần Thượng Xuyên đến sinh sống ở Bàn Lân là bao nhiêu, nhưng có lẽ không phải là nhỏ trong tổng số hơn 3000 người Hoa di dân vào Nam Bộ trong đợt này.

Để tiện trong việc tổ chức và quản lý, Trần Thượng Xuyên tổ chức tập hợp người Hoa theo từng *bang* dựa theo gốc dân của họ. Mỗi bang có một bang trưởng và một bang phó chỉ huy. Ở từng bang có những ngành nghề và công việc khác nhau. Năm 1698, Nguyễn Hữu Cảnh vào Nam thiết lập tổ chức bộ máy hành chính đã cho bộ phận người Hoa nơi đây lập thành xã Thanh Hà và người Hoa vùng Chợ Lớn lập thành xã Minh Hương. Xã Thanh Hà cũng như xã Minh Hương được hưởng quy chế tự trị. Xã Thanh Hà ở Biên Hòa không có ranh giới nhất định, họ có dân đông và dân của xã có thể ở khắp nơi trong tỉnh.

Thời gian đầu đến định cư ở Đồng Nai, người Hoa tiến hành khai khẩn đất đai và làm nông nghiệp để giải quyết vấn đề lương thực, một nhu cầu bức thiết nhất của cuộc sống. Nhưng quá trình này chỉ diễn ra trong thời gian ngắn, chỉ mang hình thức quá độ tạm thời. Sau đó, Trần Thượng Xuyên cùng những người đồng tộc của mình chuyển qua làm thương mại, thích hợp với sở trường của mình hơn. Tuy nhiên vẫn có một bộ phận nhỏ người Hoa tiếp tục làm nông nghiệp và sản xuất những mặt hàng tiêu thụ công nghiệp. Là cư dân của một đất nước có nền văn hóa phát triển rực rỡ trên thế giới, những lưu dân người Hoa đến tỵ nạn ở Đồng Nai đã ít nhiều mang đến vùng đất này những ngành nghề thủ công truyền thống độc đáo ở chính quốc và họ đã góp phần không nhỏ

trong việc hình thành và phát triển thủ công nghiệp nơi đây. Nhờ có nhiều năng lực, nhạy bén, siêng năng, chịu khó, rau cháo lúc còn nghèo để gầy vốn làm ăn nên chẳng bao lâu, người Hoa ở Đồng Nai đã xây nên cơ nghiệp, xây dựng nên thương cảng Cù Lao Phố phồn thịnh, phát triển vào bậc nhất phương Nam thời bấy giờ (thế kỉ XVIII).

Cù Lao Phố với sông Phước Long (tức sông Đồng Nai) là địa điểm rất thuận lợi cho việc buôn bán, phát triển kinh tế. Nơi đây đã sớm hình thành các nghề thủ công cũng như các hoạt động sản xuất công nghiệp đã phát triển và ở một mức độ nhất định đã mang tính chất sản xuất hàng hóa. Nhận thấy được ưu điểm của Cù Lao Phố, một bộ phận người Hoa ở Bàn Lân chuyển về Cù Lao Phố định cư, kêu gọi quyên góp nhân tài, vật lực để xây dựng cơ sở cho việc phát triển Nông Nại Phố. Trần Thượng Xuyên và những người Hoa đã xây dựng Cù Lao Phố trở thành nơi sầm uất nhất của cả Nam Bộ:

“...Trần Thượng Xuyên chiêu tập người buôn nước Trung Quốc đến lập ra phố xá, mái ngói tường vôi, lầu quán cao ngất, dòng sông rục rờ, ánh nhật huy hoàng, liền nhau tới năm dặm, chia thành ba đường phố, đường phố lớn lát đá trắng, đường phố ngang lát đá ong, đường phố nhỏ lát đá xanh, toàn thể đường bằng phẳng như đá mài, kẻ buôn tụ tập, thuyền đi biển, đi sông đều đến cuốn buồm neo đậu, đầu đuôi thuyền đậu kế tiếp nhau, thật là một chỗ đô hội. Các nhà phú thương buôn to bán lớn chỉ ở đây nhiều hơn, có người cả nước đều biết tiếng” [60, 238].

Như vậy, chỉ trong một thời gian ngắn, cùng với việc trao đổi, mua bán ngày càng phát triển, bộ mặt Cù Lao Phố đã thay đổi nhanh chóng. Nông Nại Đại Phố trở thành trung tâm thương mại của vùng đất Nam Bộ với nhiều tàu ngoại quốc tới lui tấp nập: *“Tàu người Hoa, người phương Tây,*

người Nhật, người Chà Bà, tụ tập tấp nập, phong hóa Trung Quốc dần lan ra thấm đượm cả vùng Đông Phố” [60, 110]. Việc buôn bán ở Cù Lao Phố có tính qui củ, chặt chẽ, có tổ chức, nguồn hàng xuất và nhập khẩu vô cùng phong phú.

Nguồn xuất khẩu chính là gạo, gỗ quý, các mặt hàng lâm sản, nông sản, đồ thủ công mỹ nghệ... và nhập khẩu phổ biến là đồ sứ Trung Quốc, tơ lụa, thuốc bắc, dược phẩm, nguyên vật liệu dùng để xây dựng và trang trí... Ngoài nguồn hàng cung cấp tại chỗ, thương cảng Cù Lao Phố còn tiếp nhận các chủng loại hàng hóa từ những địa điểm khác trong vùng chuyển đến như Phước Thiên, Bến Cá, Phú Hội, Chợ Đồn, Long Tân, Phước An... Việc buôn bán được tổ chức khéo léo và mang tính chất kinh doanh lớn:

“Xưa nay thuyền buôn đến đây hạ neo xong thì lên bờ thuê phố ở, rồi đến nhà chủ mua hàng, kê khai toàn bộ hàng hóa có trong thuyền trình sở thuế; chủ mua hàng định giá mua tất cả những hàng hóa tốt xấu, không bỏ sót lại thứ gì. Đến ba ngày trưng buồm trở về, gọi là hội Đường, nếu chủ thuyền muốn mua thứ gì thì cứ kê khai trước, người chủ vừa theo đơn đặt hàng mua dùm, hai bên chủ khách đều tiện, thanh toán hóa đơn rõ ràng rồi, khách cứ đàn ca vui chơi, đã được nước ngọt sạch sẽ, lại không lo trùng hà ăn thủng ván thuyền, chỉ đợi tới ngày lui thuyền, chở đầy khoang mà về xứ” [60, 30].

Trong hoạt động thương mại, giao dịch ở Cù Lao Phố, vai trò của các thương nhân người Hoa chiếm vị trí quan trọng. Họ nắm và chi phối hầu hết các mặt hàng, nguồn hàng nhập và xuất khẩu, quan trọng hơn hết là có kho tồn trữ hàng hóa và địa bàn phân phối hàng hóa. Tầng lớp thương nhân ở đây ra đời đông đảo, có vai trò, vị trí và tiếng nói quan trọng trong đời sống xã hội.

Nông Nại Đại Phố hình thành như một cảng nước sâu trong nội địa (cách biển khoảng 100 km) nhờ đặc điểm địa lý tối ưu của nó và do yêu cầu thực tế đòi hỏi phải có một trung tâm thương mại của khu vực được khai phá sớm, trong đó có vai trò chủ yếu của thương nhân người Hoa. Thương cảng Cù Lao Phố phát triển thịnh vượng từ cuối thế kỉ XVII (năm 1698) và mạnh nhất trong khoảng thời gian từ năm 1738 – 1775. Tuy nhiên, việc buôn bán thịnh vượng và kiến trúc phong phú của thương cảng Cù Lao Phố không tránh khỏi là “điểm nóng” của cuộc tranh chấp quyền lợi về chính trị. Năm 1747, bọn khách thương người Phước Kiến là Lý Văn Quang tự xưng là “Giản Phố đại vương”, tập hợp bè đảng toan đánh úp lấy dinh Trấn Biên. Âm mưu bạo loạn bị dập tắt nhưng gây nhiều thiệt hại cho Cù Lao Phố. Năm 1776, “xứ đô hội” Cù Lao Phố bị tàn phá hoàn toàn trong trận chiến giữa Tây Sơn và Nguyễn Ánh... *“Từ đấy, chỗ này biến thành gò hoang, sau khi trung hưng, người ta tuy có trở về, nhưng dân số không được một phần trăm lúc trước”* [60, 238]. Sau biến cố này, một bộ phận người Hoa từ Biên Hòa đã chuyển về vùng Chợ Lớn của Sài Gòn định cư, sinh sống. Trung tâm thương mại ở vùng đất phương Nam được chuyển dịch về Chợ Lớn - Gia Định.

1.3.3. Các giai đoạn và xu hướng chủ yếu trong quá trình phát triển của cộng đồng người Hoa trên đất Đồng Nai

Sau năm 1679, những đợt di cư của người Hoa vẫn liên tục diễn ra và kéo dài trong suốt ba thế kỉ tiếp theo. Ngoài một bộ phận là thương nhân buôn bán đường dài, quan lại, binh lính có tư tưởng “phản Thanh phục Minh”, đa phần họ là những nông dân, thợ thủ công, những người buôn bán nhỏ... nghèo đói vì chiến tranh giữa các tập đoàn phong kiến, vì đất đai cằn cỗi, chật hẹp, vì sưu cao thuế nặng, dịch bệnh

thiên tai... đã phải rời bỏ quê hương đi tìm vùng đất mới có cuộc sống tốt đẹp hơn.

Bắt đầu từ cuối thế kỉ XVII đến những thập niên cuối thế kỉ XX, nhìn bao quát, số lượng người Hoa đến vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai ngày càng tăng qua nhiều đợt di dân mỗi khi có những biến động về chính trị, xã hội ở Trung Quốc hay các vùng người Hoa sinh sống. Tuy nhiên, ở mỗi giai đoạn, tùy thuộc vào hoàn cảnh lịch sử - cụ thể, quá trình phát triển có những xu hướng khác nhau.

Không riêng gì Việt Nam, mà cả trên thế giới, quá trình tộc người nổi lên hai xu hướng chính sau:

- *Xu hướng phân chia*: Xu hướng này bắt đầu từ thời công xã nguyên thủy, nguyên nhân chủ yếu là do điều kiện kiếm sống ngày càng khó khăn đã khiến một khối cộng đồng thống nhất phải phân chia thành những nhóm nhỏ, phân tán đi nhiều nơi. Ở những thời kì sau, khi xã hội đã phân chia thành giai cấp, nhiều tộc người có dân số ít, trình độ phát triển kinh tế, văn hóa thấp, trước áp lực của những tộc người có trình độ và sức mạnh lớn hơn, đã buộc phải rời địa bàn sinh tụ, đi tìm không gian mới. Từ đó, các cuộc di cư lớn, nhỏ, diễn ra không chỉ một lần, kéo dài nhiều thế kỉ. Kết quả, từ một tộc người đã phân chia thành nhiều bộ phận, nhiều ngành nhỏ. Ở thời kì cận - hiện đại, có những tộc người, trước đây cùng chung một nguồn gốc lịch sử, nhưng với sự thức tỉnh của ý thức dân tộc, đã muốn tách riêng thành tộc người mới.

- *Xu hướng hợp nhất*: Các nhà dân tộc học cho đây là xu hướng đặc trưng cho sự phát triển đi lên của tộc người. Xu hướng hợp nhất có các quá trình chủ yếu sau:

+, *Quá trình cố kết (consolidation)* là sự hợp nhất các nhóm người, tộc người có những quan hệ gần gũi với nhau về

nguồn gốc, về tiếng nói, về văn hóa,... để hình thành nên một cộng đồng tộc người lớn hơn.

+, *Quá trình hòa hợp (intégration)* là sự xích lại gần nhau của những nhóm người, tộc người khác nhau về nguồn gốc, về tiếng nói, về văn hóa,... nhưng do cùng cộng cư lâu dài trên một lãnh thổ, cùng chung sống làm ăn trong một môi trường địa lí và sinh thái giống nhau, trên một vùng lịch sử - văn hóa, đặc biệt là trong một quốc gia thống nhất thì sự giao lưu kinh tế, văn hóa lâu dài sẽ dẫn đến sự hòa hợp giữa các tộc người.

+, *Quá trình đồng hóa (assimilation)*, bao gồm đồng hóa tự nhiên và đồng hóa cưỡng bức. Đây là quá trình áp dụng cho các nhóm người, tộc người khác nhau về nguồn gốc lịch sử, ngôn ngữ, văn hóa, được diễn ra trong thời gian dài, trải qua nhiều thế hệ. Có thể là đồng hóa cả nhóm người, tộc người, nhưng cũng có thể chỉ là một bộ phận. Thông thường, tộc người có dân số ít, kém phát triển về kinh tế, văn hóa bị đồng hóa vào tộc người có dân số đông và trình độ phát triển kinh tế, văn hóa cao hơn.

Nhìn suốt quá trình lịch sử, chúng ta thấy cả hai quá trình phân chia và hợp nhất đều xảy ra ở từng nơi, đối với từng tộc người cụ thể, nhưng khuynh hướng chủ yếu là *hợp nhất*.

Qua các cứ liệu lịch sử, cộng đồng người Hoa trên vùng đất Đồng Nai trải qua các giai đoạn hình thành và phát triển với những xu hướng sau:

1.3.3.1. Giai đoạn từ cuối thế kỉ XVII đến cuối thế kỉ XIX

Đây là giai đoạn các nhóm cộng đồng người Hoa từ Trung Quốc sang với nhiều đợt và với nhiều qui mô, tính chất

khác nhau. Hầu hết, số người Hoa này từ các tỉnh vùng Hoa Nam (Trung Quốc) đến Nam Bộ bằng đường biển, sau đó định cư ở nhiều nơi mà Đồng Nai là một trong những điểm dừng lý tưởng của họ.

Trong giai đoạn này, số người Hoa đến định cư ở Đồng Nai chủ yếu tại địa bàn Biên Hòa và một phần ở vùng Nhơn Trạch, Long Thành ngày nay.

Giai đoạn này, cộng đồng có vai trò quan trọng trong việc cùng với cộng đồng người Việt (Kinh) và các cư dân bản địa xây dựng vùng đất Biên Hòa trở nên trù phú. Đây chính là giai đoạn người Hoa hình thành nên những *phố* người Hoa, những *làng / xã* Minh Hương, Thanh Hà.

Điều cần thấy rõ là, trong suốt lịch sử chế độ phong kiến ở Việt Nam, đối với các tộc người thiểu số, chính quyền luôn thực hành chính sách chia để trị. Riêng đối với tộc người Hoa, chính sách của các triều đại phong kiến là thực hiện *đồng hóa*, mang *tính cưỡng bức*. Chẳng hạn, năm 1437, vua Lê Thái Tông hạ lệnh thi hành người Minh trên đất Việt phải ăn mặc như người Việt. Năm 1664, vua Lê Cảnh Trị lại yêu cầu chặt chẽ hơn nữa: Hoa kiều "*phải nhập tịch, y phục, nhà cửa bắt phải y theo quốc tục và từng loại, sáp nhập vào các xã, thôn, trang, cảng và sách mà họ đang cư trú*" [86, 420 - 421]. Thời các chúa Nguyễn, chính sách đối với người Hoa ở Đàng Trong có khác Đàng Ngoài: "*Tuy cũng bị đồng hóa như Hoa kiều ở Bắc Hà, nhưng Hoa kiều ở Nam Hà được tụ tập trong một xã hội riêng biệt, do họ đặt tên Minh Hương, chứ không phải biên chung vào hộ tịch ở nơi mình cư trú với người Việt. Đó là một tiện lợi lớn cho Hoa kiều ở Nam Hà vậy*" [86, 421].

Sở dĩ người Hoa ở Nam Bộ nói chung, ở Biên Hòa - Đồng Nai nói riêng, thời ấy không có, hoặc có rất ít sự phân

biệt đối xử, vì tập đoàn phong kiến triều Nguyễn khuyến khích họ khai hoang, lập đất, tạo nguồn lực cho mình trong cuộc chiến tranh với nhà Tây Sơn. Sách *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức chép: “*Đất Nông Nại (...) phép tắc hãy còn khoan dung giản dị*”. Ngay cả việc trưng thuế cũng “*tuỳ thuộc theo lòng dân, không hề ràng buộc, cốt sao khiến dân khai hoang mở đất cho thành ruộng, lập nên thôn xã mà thôi*”. Nếu so với các dinh trấn phía bắc, phép tắc ở vùng Đồng Nai - Gia Định “*còn rất khoan dung mà thuế lệ cũng còn nhẹ*” [60, 115]. Nhờ đó, người Hoa ở Biên Hòa không chỉ được tự do sinh sống mà còn tự do buôn bán, kể cả đối với người nước ngoài. Trong một thời gian dài tồn tại của cảng thị Cù Lao Phố thì vai trò kinh doanh ở đây là của người Hoa.

Đến thời các vua nhà Nguyễn, chính sách đối với người Hoa có phần chặt chẽ hơn trước. Chẳng hạn, năm 1814, vua Gia Long đã thể chế hóa các *bang* của người Hoa. Từ đời vua Minh Mạng trở đi, việc quản lý hộ tịch đối với người Hoa, nhất là đối với những người mới nhập cư, đã chặt chẽ hơn trước. Tuy nhiên, nhìn đại thể, xu hướng chung của tộc người Hoa trên địa bàn ở giai đoạn này là *hòa hợp*, nếu có đồng hóa thì đó cũng là sự *đồng hóa tự nhiên*.

1.3.3.2. Giai đoạn từ đầu thế kỉ XX đến năm 1975

Từ nửa cuối thế kỉ XIX, các nước Nam Á nói chung, Việt Nam nói riêng, trải qua thời kì đầy biến động. Ở Việt Nam, đó là cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp lần thứ nhất, tiếp đến là hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ của nhân dân ta kéo dài ngót 30 năm. Ở Trung Quốc cũng có những biến động chính trị, xã hội đi đôi với sự có mặt của các thế lực phương Tây, từ cuộc chiến tranh Nha phiến, khởi nghĩa Thái Bình thiên quốc đến cuộc can thiệp của các đế

quốc, cuộc chiến tranh Trung - Nhật dẫn tới việc thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa...

Tình hình đó dẫn đến làn sóng di cư mới của người Hoa tới các nước, đầu tiên là Đông Dương rồi có thể đến một nước thứ ba. Con số 400.000 người Hoa nhập cư vào Đông Dương từ năm 1931 đến năm 1937 và gần 900.000 người từ năm 1945 đến năm 1948 [65, 41] chủ yếu là vào vùng phía Nam của Việt Nam. Cảng Sài Gòn là nơi người Hoa từ Trung Quốc nhập cảnh và cũng là nơi một bộ phận trong số đó xuất cảnh đi các nước khác.

Khi tiến hành khai thác thuộc địa, thực dân Pháp tuyển mộ hàng chục ngàn người để làm việc trong các hầm mỏ, nhà máy, đồn điền cao su và tuyển dụng nhân công từ Việt Nam đưa sang Campuchia, Lào, Tân Cálêđôn... [178, 242]. Trong số nhân công được tuyển mộ, không chỉ có người Kinh mà còn có cả đồng bào các dân tộc thiểu số. Đồng Nai là một trong những nơi thực dân Pháp lập nên các đồn điền cao su sớm vì thế một bộ phận người Hoa từ phía bắc được đưa vào làm công nhân ở các đồn điền vùng Cẩm Mỹ, Túc Trưng...

Do nhu cầu về số lượng lớn nhân công để khẩn hoang, khai thác thuộc địa nên chính quyền đô hộ Pháp đã thỏa thuận với triều đình nhà Thanh cho nhập cư khá nhiều người Hoa ở Trung Quốc đến Nam Kỳ với các chính sách ưu đãi như: được tự do buôn bán trong xứ thuộc địa, được quyền sở hữu động sản và bất động sản... Chính sách này đã thu hút ngày càng nhiều những đợt người nhập cư từ Trung Quốc sang.

Đến 1907, do làn sóng di cư quá ồ ạt nên chính quyền thực dân Pháp áp dụng những biện pháp hạn chế người từ Trung Quốc di cư sang Việt Nam như: thu thuế nhập cư, thuế thân, thuế công sur, thuế huê lợi... Năm 1948, chính phủ Pháp và chính quyền Tưởng Giới Thạch kí thỏa ước Trùng

Khánh dành cho Hoa kiều quy chế tối huệ quốc. Ở Việt Nam, cao ủy quốc lập lại sở Tân Đáo, truyền lệnh cho các tỉnh thực hiện việc thu thuế và cấp thẻ lương niên đối với Hoa kiều. Tháng 8.1948, các *bang* của người Hoa được cải tổ thành *lý sự hội Trung Hoa*.

Năm 1950, theo đề xuất của lãnh sự quán Trung Hoa tại Sài Gòn, chủ tỉnh Biên Hòa là Nguyễn Hữu Hậu đã bỏ nhiệm các chức danh Lý sự trưởng, Lý sự phó trong cộng đồng Hoa kiều. Đến năm 1953, hai chức danh trên được bầu theo lối phổ thông đầu phiếu trong cộng đồng người Hoa. Những người được đề cử vào hai chức danh này là các nhà kinh doanh có uy tín trong cộng đồng.

Cần lưu ý là, trong suốt thời gian cai trị trên đất nước ta, thực dân Pháp luôn tìm mọi cách để ngăn cản xu hướng hợp nhất dân tộc, hòng làm suy yếu phong trào yêu nước và cách mạng. Đối với tộc người Kinh, chúng chia ra 3 xứ với các chế độ cai trị khác nhau: Nam Kỳ tự trị, Bắc Kỳ, Trung Kỳ bảo hộ. Trong mối quan hệ giữa các tộc người, chúng tìm mọi cách từ trắng trợn đến tinh vi để gây chia rẽ, kì thị giữa tộc người Kinh với các tộc người thiểu số và giữa các tộc người thiểu số với nhau. Thực dân Pháp lại còn lập ra các xứ tự trị: Thái, Nùng, Mường, Tây Nguyên... Kết quả là, nhiều tộc người bị xé lẻ, bị phân chia thành nhiều ngành, phân bố ở nhiều vùng khác nhau, thậm chí gây nên tình trạng hòa lẫn giữa các tộc người. Chẳng hạn, người H'Mông có H'Mông trắng, H'Mông đen, H'Mông đỏ, H'Mông xanh, H'Mông hoa. Hoặc việc lập ra "*xứ Nùng tự trị*" mà đa phần là người Hoa ở đạo Hải Ninh năm 1947 (địa bàn: Móng Cái, Hà Cối, Đàm Hà, Tiên Yên, Ba Chẽ, Bình Liêu, Đình Lập của tỉnh Quảng Ninh ngày nay). Thực chất của xứ Nùng tự trị này được chính viên Cố vấn hành chính đạo Hải Ninh - Cao Văn,

viết như sau:

“... Khó phân biệt được người Hán quốc tịch Việt Nam với đồng hương của họ ở Trung Quốc vì cùng tiếng nói và phong tục tập quán (...) Sau nhiều lần thăm dò, người ta thấy không có gì tốt hơn là đồng hóa họ với người Nùng Lạng Sơn và Cao Bằng nói tiếng Tày chỉ giống người Trung Quốc bên kia biên giới ở quần áo và một số từ trong ngôn ngữ Quảng Đông (...) Từ đó, người Hán quốc tịch Việt Nam được gọi là Nùng và cư trú tại các xã giống xã Việt Nam cũ, nói chung giữ tên làng cũ, thêm tính từ Nam hoặc Nùng tùy theo xã đó...” [177].

Tại những nơi có đông người Hoa sinh sống, thực dân Pháp còn chủ động thành lập các bang (sau cải tổ thành Lý sự hội Trung Hoa) để cai trị và dùng chính lực lượng này để cưỡng ép đồng hóa dân tộc. *Xứ Nùng tự trị* ở đạo Hải Ninh là sản phẩm tiêu biểu cho chính sách cai trị đó. Ở đây, các tộc người thiểu số như Tày, Nùng, Sán Diu, Sán Chi,... thậm chí cả người Kinh cũng bị Hán hóa.

Sau năm 1954, một làn sóng di cư mới của người Hoa đến các tỉnh Nam Bộ. Lần này, điểm đi của họ không phải là các tỉnh phía Nam Trung Quốc mà là từ các tỉnh giáp biên giới phía Bắc nước ta, chủ yếu là ở tỉnh Quảng Ninh. Năm 1954, 1/3 dân số của tỉnh Hải Ninh (cũ), tức khoảng 30.000 người, từ *Xứ Nùng tự trị* bị dụ dỗ, cưỡng ép di cư vào miền Nam. Ban đầu, phần lớn họ được đưa đến vùng Sông Mao, Sông Lũy (nay thuộc xã Hải Ninh, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận).

Từ năm 1954 đến năm 1960, do những biến động xã hội, nhất là xuất phát từ điều kiện lao động, sinh sống, người Hoa từ vùng Sông Mao, Sông Lũy bằng đường bộ, chia thành nhiều đợt đến định cư tại các địa bàn thuộc tỉnh Đồng Nai, tập

trung chủ yếu ở: Bàu Hàm – Sông Thao (Thống Nhất), Tân Phong – Tam Hiệp (Biên Hòa), cây số 115 (Định Quán), cây số 125 (Tân Phú), xã Bảo Bình (Cẩm Mỹ), Bình Lộc, thị xã Long Khánh... Một số khác, cũng vốn gốc từ “Xứ Nùng tự trị” ở Hải Ninh đã vào định cư tại một số tỉnh khu vực miền Đông Nam Bộ, như Bình Dương (Thủ Dầu Một), Thành phố Hồ Chí Minh (Hóc Môn),... [177] nhập cư vào Đồng Nai, đến làm rẫy ở các vùng Tân Phú, Định Quán, Thống Nhất, Biên Hòa. Từ đây, hầu hết bộ phận người Hoa này đều khai mình thuộc tộc người “Nùng”. Đó là lí do tồn tại một cách dai dẳng, mặc dù không đúng, tên gọi người “*Hoa Nùng*” ở Đồng Nai từ sau năm 1954 đến nay. Dĩ nhiên, trong từng trường hợp cụ thể, khi người Hoa khai là “Nùng” có thể là: chưa rành tiếng Việt, hiểu nhầm “Nùng” là “nông” (nghề nông), hoặc khai thuộc tộc người Nùng để đàn ông con trai được “hoãn dịch” (trong chế độ cũ), để được hưởng chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số v.v.. Nhưng chủ yếu vẫn là lí do mang tính lịch sử của “Xứ Nùng tự trị” - một sản phẩm trong chính sách cai trị của thực dân Pháp ở Việt Nam trước đây. Như vậy, *Hoa Nùng* là tên gọi tạm thời, mang tính lịch sử, không những không nêu được đặc trưng của tộc người nào mà còn gây nên những ngộ nhận, thậm chí kì thị, phân biệt và hiện nay không còn cơ sở để tồn tại trong thực tế.

Từ năm 1955, ngụy quyền Sài Gòn đã ban hành một số điều dụ về cộng đồng người Hoa sinh sống tại miền Nam Việt Nam. Ở Biên Hòa, viên chủ tỉnh Hồ Văn Sĩ chính thức cho áp dụng những điều dụ vào năm 1957. Nội dung một số điều dụ như sau [92]:

- Quy định người Minh Hương (cha Hoa, mẹ Việt) bất luận tuổi tác, địa bàn sinh sống đều là người Việt Nam (điều 11, Dụ số 40 ngày 07.12.1955);

- Hoa kiều thô sanh (sinh trưởng tại Việt Nam) sẽ là người Việt Nam, bắt buộc phải khai sinh và nhập quốc tịch Việt Nam; hoặc xin hồi hương (về Đài Loan) trước ngày 31.8.1957 (điều 16, Dự số 48 ngày 21.8.1956).

- Cấm ngoại kiều (trong đó có Hoa kiều) làm 11 nghề: Buôn bán thịt, cá, than củi, chạp phôi, xăng nhớt, vải lụa, sắt đồng, than vụn, ngũ cốc, xay lúa, chuyên chở, cầm đồ bình dân, trung gian ăn huê hồng (Dự số 55 ngày 06.9.1956).

- Tạo điều kiện cho Hoa kiều dễ dàng nhập quốc tịch Việt Nam, khuyến khích Hoa kiều hợp tác hùn vốn kinh doanh với người Việt hay sang tên cho vợ con là người Việt (Dự số 58 ngày 25.10.1956).

- Năm 1960, chính quyền Sài Gòn ra Sắc lệnh số 113/NV ngày 10.6.1960 chấm dứt hoạt động chế độ *bang* của người Hoa, chấm dứt vai trò của các chức viên Lý sự trưởng, Lý sự phó. Tại Biên Hòa, tài sản của các *bang* đặt dưới sự quản trị của một ủy ban (có đại diện của Hoa kiều còn nguyên quốc tịch và đã nhập quốc tịch) do tỉnh trưởng Hồ Văn Sĩ làm chủ tịch. Các trường học, chùa miếu, nghĩa địa, hội quán, công sở... là sản nghiệp của nhiều thế hệ người Hoa tạo dựng có tác dụng xã hội quan trọng được duy trì và bảo quản.

Song song với sắc lệnh trên, chính quyền Sài Gòn áp dụng một số biện pháp về văn hóa: Việt hoá các tên của Hoa kiều đã nhập quốc tịch, dùng tiếng Việt trên các hiệu buôn, khuyến khích người Hoa học tiếng Việt, các trường Dục Đức (do người Hoa mở) dạy theo chương trình giáo khoa của Bộ Quốc gia Giáo dục, tiếng Trung Quốc trở thành một ngoại ngữ...[92]

Việc ban hành một số đạo dụ, sắc lệnh của chính quyền Sài Gòn đã gây không ít khó khăn cho hoạt động kinh

tế, đời sống văn hóa, xã hội cũng như các sinh hoạt truyền thống, tâm lý của người Hoa. Tuy nhiên, qua thời gian, cộng đồng người Hoa đã tìm cách thích ứng và trở thành bộ phận quan trọng trong các mặt hoạt động nơi đây.

Như vậy, trong thời gian không dài (1954 -1975), số lượng người Hoa di dân đến vùng đất Nam Bộ, chủ yếu là địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Nai ngày nay, đã gia tăng đáng kể, trở thành di dân có tính quy định số người Hoa trong vùng và phần nào làm biến đổi cả về cơ cấu lẫn đặc điểm của cả cộng đồng tộc người.

1.3.3.3. Giai đoạn từ sau 30.4.1975 đến nay

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, một bộ phận người Việt và có cả người Hoa rời khỏi Việt Nam. Tuy nhiên, các tỉnh Nam Bộ vẫn là nơi có đông đồng bào người Hoa sinh sống nhất, với gần 90%. Vào năm 1976, cả nước ta có 1.236.000 người Hoa, chiếm 2,5% dân số. Thế nhưng, đến những năm 1977 - 1978, khi nhà cầm quyền Trung Quốc tung ra sự kiện “nạn kiều” thì “*Sự lo âu tăng lên trong các cộng đồng người Hoa, họ hết hoảng vì những lời đồn đại dai dẳng rằng chiến tranh sẽ nổ ra giữa hai nước và người Hoa sẽ bị tàn sát. Những người Hoa sống gần biên giới bỏ trốn hàng loạt sang Trung Quốc; những người Hoa Chợ Lớn và nhiều thành phố khác ở Nam Việt Nam thì gấp gáp và bí mật tìm đến các nước Đông Nam Á, nhất là Băng Cốc (Thái Lan), nơi có những cộng đồng người Hoa có thể giúp họ lánh nạn và bảo vệ họ*” [178, 502]. Con số cụ thể về người Hoa rời Việt Nam trong hai năm đó, bằng đường bộ sang Trung Quốc là 230.000 người và cũng khoảng chừng ấy người đến Hồng Kông và các nước trong khu vực Đông Nam Á bằng đường biển [84, 101].

Trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, số người Hoa rời Việt Nam không lớn như các tỉnh Quảng Ninh và Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng cũng không phải là ít. Đến năm 1979, số người Hoa ở Đồng Nai (địa bàn rộng hơn tỉnh Đồng Nai hiện tại) chỉ còn 85.000 người, chiếm 9,1% tổng số người Hoa ở Việt Nam. 10 năm kế tiếp, số người Hoa ở Đồng Nai vẫn không có sự gia tăng nào đáng kể. Theo Trần Khánh [84, 105], tổng số người Hoa ở Đồng Nai vẫn trên, dưới 85.000 người, nhưng so với tỷ lệ người Hoa chung của cả nước lại giảm (còn 8,8%).

Từ khi Đảng ta thực hiện đường lối đổi mới đất nước, quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc ngày một cải thiện tốt đẹp hơn, cộng đồng người Hoa đi dần vào ổn định, yên tâm sản xuất, kinh doanh, đoàn kết, gắn bó với cộng đồng quốc gia dân tộc. Bên cạnh cộng đồng người Hoa đã ở Đồng Nai từ trước, người Hoa từ các tỉnh miền Bắc và các địa phương lân cận đã tiếp tục di dân đến Đồng Nai. Những người Hoa từ các tỉnh miền Bắc di dân theo dạng tự do, một bộ phận người Hoa từ Thành phố Hồ Chí Minh di dân theo chính sách phát triển kinh tế mới. Họ đến Đồng Nai khai phá đất hoang, phát triển kinh tế nông nghiệp, một bộ phận họ đến sống tại những nơi đã có đông người Hoa sinh sống từ trước giải phóng, một bộ phận tò đi sinh sống rải rác trong địa bàn toàn tỉnh. Ước tính trong gần 10 năm (1990 - 2000), số người Hoa ở các tỉnh phía Bắc vào Đồng Nai là 3.331 hộ, với 17.647 khẩu [149]. Tính đến tháng 9 năm 1996, người Hoa ở Đồng Nai có 15.761 hộ, với 100.148 khẩu. Trong 10 năm (1996 - 2006), số người Hoa ở Đồng Nai đã tăng thêm 1.806 hộ, với 11.258 khẩu, nâng tổng số hộ người Hoa trên địa bàn lên 17.567 hộ với 111.456 khẩu [118].

1.4. Dân số và phân bố dân cư người Hoa ở Đồng Nai hiện nay

1.4.1. Diễn biến dân số

Biểu 1.7

Dân số tỉnh Đồng Nai, chia theo tộc người và giới tính (tháng 4 năm 1999)

STT	Tộc người	Tổng số (người)	Tỉ lệ % so với tổng số dân của tỉnh	Nam	Nữ
Tổng số dân toàn tỉnh		1.990.678	100 %	992.064	998.614
1	Kinh	1.819.603	91,4	903.133	916.470
2	Hoa	102.444	5,14	52.918	49.526
3	Nùng	15.141	0,76	7.871	7.270
4	Tày	14.681	0,73	7.598	7.083
5	Châu Ro	13.733	0,68	6.675	7.075
6	Dao	4.186	0,21	2.124	2.026
7	Mường	3.121	0,15	1.575	1.546
8	Khmer	2.582	0,12	1.353	1.229
9	Chăm	2.307	0,11	1.182	1.125
10	Châu Mạ	2.186	0,10	1.082	1.104
11	Stiêng	1.135	0,05	547	588
12	Các tộc người khác		Dân số dưới < 1.000 người		

Theo kết quả điều tra dân số ngày 01.4.1999, dân số người Hoa ở tỉnh Đồng Nai là 102.444 người, là địa phương có

nguồn cư dân Hoa đông thứ hai ở Nam Bộ, chỉ sau Thành phố Hồ Chí Minh. Người Hoa có mặt ở hầu hết các đơn vị phường xã, thị trấn của các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Đồng Nai, chiếm tỉ lệ 5,14% dân số toàn tỉnh (*Xem biểu số 1.7*).

Ở Đồng Nai, về dân số, người Hoa xếp thứ 2, sau người Kinh (chiếm 91,4%) và có sự chênh lệch khá xa so với các cộng đồng tộc người khác, kể cả cư dân bản địa như: Châu Ro (0,68%), Châu Mạ (0,10%), Stiêng (0,05%)...

Những năm gần đây, do nhiều nguyên nhân khác nhau, tình hình dân số người Hoa ở Đồng Nai thường xuyên có sự biến động, tuy nhiên mức độ không nhiều (*Xem biểu số 1.8*).

Biểu 1.8

Diễn biến dân số tộc người Hoa ở tỉnh Đồng Nai

Năm	Số hộ	Số khẩu	Tỷ lệ % / số dân của tỉnh	Nam	Nữ
2001	16.971	102.741	4,91%	51.445	51.296
2003	17.093	107.730	5,01%		
2005	17.571	105.741	4,76%	53.411	52.300
2006	17.576	111.456	5,02%		

Mặc dù số liệu trên chỉ mang tính chất tương đối (qua sự thống kê của Công an và Ban Dân vận các cấp), nhưng cũng cho thấy tỷ lệ tăng giảm số người Hoa trên địa bàn trong khoảng thời gian 5 năm trở lại đây không đáng kể. Ở một số địa phương cụ thể, nếu huyện Định Quán từ năm 2000 đến năm 2005 có 2.241 người Hoa chuyển đến các tỉnh như Lâm Đồng, Bình Phước và Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống thì ở huyện Trảng Bom dân số lại tăng (tăng tự nhiên): năm 2001 có 19.998 người, đến năm 2005 tăng lên 22.354 người [75; 13].

Nhìn chung, trong 5 năm trở lại đây, dân số tộc người Hoa không có những thay đổi đáng kể. Sự tăng hoặc giảm dân số ở từng địa bàn cụ thể không làm thay đổi cơ cấu, đặc điểm của cả cộng đồng.

1.4.2. Phân bố dân số

Biểu 1.9

Phân bố dân cư tộc người Hoa ở tỉnh Đồng Nai

Năm	1996		2003		2006		Tỉ lệ %/ tổng số dân
	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
Biên Hòa	1.243	7.681	1.228	9.940	1.354	7.876	1,31
Tân Phú	1.067	7.526	1.225	7.446	1.323	7.417	6,65
Định Quán	4.288	29.343	5.095	34.649	5.688	34.222	16,38
Thống Nhất	3.702	23.878	3.539	21.514	297	1.795	1,19
Trảng Bom					3.298	22.354	11
Long Khánh ⁽¹⁾	1.698	11.928	1.706	10.792	1388	9.979	7,54
Cẩm Mỹ	2.867	15.304	3.009	19.251	2.673	17.410	11,47
Xuân Lộc					837	6.670	3,17
Vĩnh Cửu	348	1821	286	1.764	345	1.868	1,67
Nhơn Trạch	548	2.664	193	511	155	784	0,67
Long Thành			411	1.863	218	1.081	0,91
Toàn tỉnh	15.761	100.148	17.093	107.730	17.576	111.456	5,02

¹ Số người Hoa ở thị xã Long Khánh và huyện Xuân Lộc năm 1996 và năm 2003 bao gồm cả số người Hoa nay thuộc địa bàn huyện Cẩm Mỹ.

Cộng đồng người Hoa trên địa bàn tỉnh 10 năm trở lại đây cụ thể ở từng khu vực, địa phương ở Biểu 1.9:

Bảng thống kê trên cho thấy:

1.4.2.1. Cộng đồng người Hoa tại Đồng Nai tập trung ở khu vực nông thôn

- 85% người Hoa ở Đồng Nai hiện sinh sống tại khu vực nông thôn. Đó là bộ phận dân cư có nguồn gốc từ các tỉnh phía bắc nước ta đến Đồng Nai từ sau năm 1954 và đa phần đi theo đường bộ với hành trình dài từ Bắc vào Nam. Huyện Định Quán có số người Hoa đông nhất tỉnh, chiếm 30,7% tổng số người Hoa ở Đồng Nai. Kế đến là huyện Trảng Bom (20,05%), huyện Cẩm Mỹ (15,62%), thị xã Long Khánh (8,95%). Những nơi có số cư dân người Hoa ít là: Nhơn Trạch (0,7%), Long Thành (0,96%), Thống Nhất (1,61%), Vĩnh Cửu (1,67%).

- Biên Hòa, địa bàn có cư dân người Hoa đến sớm nhất, nhưng hiện nay cũng chỉ chiếm có 7,06% tổng số người Hoa của tỉnh.

1.4.2.2. Cộng đồng người Hoa tại Đồng Nai phân bố không đều và hình thành những “vùng đồng bào Hoa”

- Cộng đồng người Hoa ở Đồng Nai sinh sống hầu khắp các địa phương trong tỉnh, nhưng sự phân bố ở từng vùng khác nhau. Trên toàn tỉnh Đồng Nai, có một số nơi không có người Hoa cư trú là như: huyện Vĩnh Cửu (5 xã), Nhơn Trạch (4 xã: Long Tân, Vĩnh Thanh, Phước An, Hiệp Phước), Thống Nhất (1 xã: Gia Tân 3), Tân Phú (1 xã: Nam Cát Tiên), Xuân Lộc (1 xã: Xuân Định), Long Thành (2 xã). Các địa phương còn lại, ở tất cả các đơn vị hành chính cấp xã đều có người Hoa sinh sống.

- Mặc dù người Hoa sống trên hầu hết địa bàn của tỉnh, nhưng nhiều nơi có sự tập trung cư dân, khiến nơi đó trở thành “vùng đồng bào người Hoa”:

+, Tại *huyện Định Quán*, mặc dù 14/14 xã, thị trấn của huyện đều có người Hoa, nhưng địa bàn cư trú chính là xã Phú Hoa (cũ), nay là các xã: Phú Lợi, Phú Vinh, Phú Tân với 4.403 hộ/28.027 khẩu, chiếm 91,9% tổng số người Hoa của cả huyện. Các xã còn lại của huyện Định Quán như: Thanh Sơn, Phú Túc, Suối Nho và thị trấn Định Quán, mỗi nơi có từ 500 đến hơn 1.000 người.

+, Tại *huyện Trảng Bom*, nơi có số người Hoa đông thứ hai của tỉnh, các xã có đông người Hoa sinh sống là: Bàu Hàm, Sông Thao, Cây Gáo, Thanh Bình, Sông Trầu. Các xã này lại ở gần kề nhau, vì thế cư dân người Hoa tạo thành một cộng đồng đông đúc.

+, Tại *huyện Cẩm Mỹ*, nơi có tỉ lệ người Hoa đứng thứ ba của tỉnh, cư dân Hoa sống tập trung ở các xã: Bảo Bình, Xuân Bảo, Xuân Tây. 3 xã này có tới 13.588 người Hoa, chiếm 78% tổng số người Hoa trên địa bàn.

Toàn tỉnh có 4 xã người Hoa chiếm trên 50% dân số: Sông Thao (53,4%), Bàu Hàm (huyện Trảng Bom, 66,22%); Phú Vinh (64,38%), Phú Lợi (huyện Định Quán, 81,59%).

+, *Các địa phương khác* như Biên Hòa, Long Khánh, Xuân Lộc, Thống Nhất..., tuy số cư dân Hoa ít, nhưng vẫn tập trung ở một số xã, phường cụ thể. Chẳng hạn, thành phố Biên Hòa, hiện có 7.876 người Hoa sinh sống. Trong số này, nhóm người Hoa đến trước năm 1954 chiếm đa số, cư trú ở các phường: Thanh Bình, Hòa Bình, Quyết Thắng, Trung Dũng, Quang Vinh, Bửu Long, Tân Vạn, Bửu Hòa, Hóa

An,... đông nhất là phường Thanh Bình (683 người). Nhóm cư dân người Hoa đến Biên Hòa sau năm 1954 lại cư trú chủ yếu tại địa bàn phường Tân Phong và Bình Đa. Riêng phường Tân Phong có tới 162 hộ với 1.058 khẩu. Tương tự, tại thị xã Long Khánh, người Hoa sống tập trung tại: xã Bình Lộc (245 hộ/1.922 khẩu), xã Bàu Sen (184 hộ/1.209 khẩu), phường Phú Bình (289 hộ/1.949 khẩu), phường Xuân An (171 hộ/1.505 khẩu), phường Xuân Trung (113 hộ/1.048 khẩu); tại huyện Tân Phú, người Hoa có mặt ở 17/18 xã, thị trấn, nhưng riêng thị trấn Tân Phú có tới 3.715 người, chiếm 50% tổng số người Hoa của huyện, kể đến là xã Phú Bình chiếm 22,3% (2.232 người); tại huyện Vĩnh Cửu, người Hoa sống tập trung ở thị trấn Vĩnh An và xã Vĩnh Tân (312 hộ/1.696 khẩu, chiếm 90,79% người Hoa của huyện).

Người Hoa đến Đồng Nai làm ăn, sinh sống, cư trú ở khắp nơi từ thị trấn, thị xã đến nông thôn. Họ làm đủ mọi ngành nghề khác nhau, từ thương mại, kỹ nghệ, đến những nghề tiểu thủ công nghiệp và phần lớn là canh tác nông nghiệp. Hiện nay, tỉ lệ hộ làm nông nghiệp, dịch vụ chiếm 7%; tiểu thủ công nghiệp 3%; nông nghiệp 90%. Trong đó, tỉ lệ hộ giàu: 1%; khá: 20%; trung bình: 70% và nghèo: 9%.

1.4.2.3. Cộng đồng người Hoa tại Đồng Nai cư trú chủ yếu ở nông thôn và lao động chính là nông nghiệp

Khi nói đến người Hoa ở các nước ngoài Trung Quốc, người ta thường nghĩ đến người Hoa sống ở đô thị và hoạt động kinh doanh, thương mại. Tuy nhiên, người Hoa ở Đồng Nai, do hoàn cảnh lịch sử - cụ thể lại có những nét khác biệt:

- Chỉ có khoảng 7 - 8% sống ở khu vực đô thị (riêng người Hoa sống ở Biên Hòa là 6,7% trên tổng số người Hoa của tỉnh). Người Hoa sống ở đô thị (Biên Hòa) hoạt động sản xuất, kinh doanh mang nặng tính truyền thống, phản ánh tính đặc trưng của từng nhóm cộng đồng người. Người Hoa Quảng Đông thường mở quán ăn và tiệm tạp hóa... Người Triều Châu buôn bán vật, chế biến trà, trồng rau... Người Thượng Hải và Phúc Kiến buôn bán đồ sắt, trồng rừng... Người Hẹ chế biến, buôn bán thuốc đông y, làm nghề thủ công...

- Trên 90% người Hoa ở Đồng Nai sống tại vùng nông thôn. Ngay tại thị xã Long Khánh, người Hoa sống tập trung tại các xã như Bình Lộc, Bàu Sen... Ở khu vực nông thôn, đại bộ phận người Hoa là nông dân, chuyên nghề làm rẫy, trồng lúa, các loại đậu, thuốc lá, cây ăn trái ngắn và dài ngày...

1.5. Một số đặc điểm rút ra từ quá trình hình thành và phát triển của cộng đồng người Hoa trên đất Đồng Nai

1.5.1. Quá trình hình thành và phát triển cộng đồng người Hoa ở Đồng Nai diễn ra trong suốt khoảng thời gian dài, hơn 3 thế kỉ, gắn liền với quá trình hình thành và phát triển vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai.

1.5.2. Trong khoảng thời gian đó, quá trình di cư của người Hoa đến Đồng Nai diễn ra với qui mô, mức độ, tính chất khác nhau, tùy thuộc vào từng giai đoạn lịch sử cụ thể.

1.5.3. Quá trình di cư của người Hoa đến Đồng Nai bao gồm nhiều giai đoạn, nhưng tập trung vào hai đợt di cư chính:

- Đợt đầu tiên, diễn ra vào nửa cuối thế kỉ XVII;
- Đợt thứ hai, từ cuối thế kỉ XIX, nhưng đông nhất là giai đoạn từ năm 1954 đến năm 1975. Chính giai đoạn nhập

cư này (1954 - 1975), số lượng người Hoa di dân đến Đồng Nai tiếp tục gia tăng đáng kể và “là đợt di dân lớn nhất, quy định số người Hoa hiện có ở Đồng Nai” [149].

1.5.4. Do điều kiện lịch sử - xã hội và nguyên nhân di cư, cộng đồng người Hoa ở Đồng Nai thống nhất về tộc người nhưng đa dạng và có sự khác biệt giữa hai nhóm dân cư ở hai đợt di cư khác nhau:

1.5.4.1. Nhóm thứ nhất

Xuất phát từ vùng Quảng Đông, Phúc Kiến, Triều Châu, đến Đồng Nai một cách có “tổ chức” theo Tổng lãnh binh Trần Thượng Xuyên. Họ đã đến Việt Nam bằng những lí do rất rõ ràng: không thân phục nhà Thanh, sang nước Nam để tị nạn, khai phá vùng đất mới giàu có, thuận lợi hơn. Đa số nhóm cư dân người Hoa này ở địa bàn Biên Hòa, một số ít ở vùng Long Thành, Nhơn Trạch. Họ chủ yếu sống bằng nghề buôn bán, mở các làng nghề thủ công. Do điều kiện lịch sử, họ có quan hệ gắn bó với cộng đồng người Hoa ở Chợ Lớn (Thành phố Hồ Chí Minh). Trải qua quá trình thăng trầm của lịch sử, nhóm cư dân người Hoa thứ nhất đã *hòa nhập một cách tự nhiên* với các tộc người khác trên địa bàn, gắn bó mật thiết với lịch sử cộng đồng quốc gia dân tộc, tuy vẫn còn giữ bản sắc văn hóa của mình.

1.5.4.2. Nhóm thứ hai

Phần lớn xuất phát điểm di cư là từ tỉnh Quảng Ninh (Việt Nam) sau năm 1954 và con cháu của họ sinh ra tại Đồng Nai. Đây là nhóm cư dân người Hoa chiếm hơn 80% tổng số người Hoa trên địa bàn, cư trú ở nông thôn và sản xuất nông nghiệp là chính. Chính nhóm cư dân đến sau này lại quyết định cả về số lượng lẫn cơ cấu dân cư người Hoa ở Đồng Nai, đồng thời làm nên đặc thù của cộng đồng tại địa

phương so với những tỉnh, thành phố có đông dân cư khác. Chẳng hạn, ở Thành phố Hồ Chí Minh, cư dân người Hoa chủ yếu sống ở khu vực đô thị, hoạt động sản xuất tiểu, thủ công nghiệp, hoặc kinh doanh thương mại, dịch vụ.

Giữa hai nhóm cư dân người Hoa ở Đồng Nai cũng có những khác biệt nhau về văn hóa: tiếng nói, tín ngưỡng, phong tục tập quán... Chẳng hạn, nhóm thứ nhất, trong tín ngưỡng dân gian, chủ yếu thờ Quan Thánh Đế quân (Quan Công) và Thiên Hậu Thánh mẫu, còn nhóm thứ hai lại thờ Phật Bà Quan Âm và thường tổ chức lễ Tả tài phán (cúng cô hồn).

Những đặc điểm rút ra từ sự phân tích quá trình hình thành và phát triển cộng đồng người Hoa ở Đồng Nai có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định đối tượng cũng như phương pháp vận động của công tác người Hoa trên địa bàn.

Chương 2

TÌNH HÌNH NGƯỜI HOA Ở TỈNH ĐỒNG NAI

2.1. Kinh tế

2.1.1. Tập quán, phương thức sản xuất, kinh doanh của người Hoa ở Đồng Nai

Người Hoa đến Đồng Nai làm ăn, sinh sống, cư trú ở khắp nơi từ thị trấn, thị xã đến nông thôn. Họ làm đủ mọi ngành nghề khác nhau, từ thương mại, kỹ nghệ, đến những nghề tiểu thủ công nghiệp và phần lớn là canh tác nông nghiệp. Do điều kiện lịch sử cụ thể, cộng đồng người Hoa có sự khác biệt về tập quán, phương thức sản xuất, kinh doanh giữa các nhóm địa phương khác nhau, nhất là giữa nhóm cư dân người Hoa đã đến vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai giữa nửa cuối thế kỷ XVII và nhóm cư dân đến Đồng Nai các giai đoạn về sau, đặc biệt là từ sau năm 1954.

2.1.1.1. Nhóm cư dân thứ nhất

Đại bộ phận nhóm cư dân thứ nhất sinh sống trên địa bàn thành phố Biên Hòa, một số ít ở các huyện Long Thành và Nhơn Trạch (mỗi nơi đều chiếm dưới 1% dân số của địa phương). Vì thế, có thể nói, đây chính là *nhóm cư dân đô thị*.

Đặc điểm của người Hoa là sống cộng đồng, theo từng bang, tộc. Tại thành phố Biên Hòa trước năm 1975, người Hoa sống theo các bang: Quảng Đông, Phước Kiến (Phúc Kiến), Họ, Triều Châu, Hải Nam, Thượng Hải. Mỗi bang có tập quán và phương thức sản xuất, kinh doanh riêng [92]:

- *Bang Quảng Đông*: chuyên bán tạp hóa (chạp phô, hàng xén).

- *Bang Phước Kiến*: chuyên mua bán sắt vụn, đồ tạp dụng cũ, dự đầu thầu xe cộ phế thải.

- *Bang Hẹ*: chuyên làm nghề đá (khai thác, chế tác), hành nghề Đông y.

- *Bang Triều Châu*: chuyên trồng rau cải, bán thức ăn.

- *Bang Hải Nam*: chuyên khai thác trà đình, tửu quán (thức ăn - cà phê - giải khát).

- *Bang Thượng Hải*: chuyên về nha khoa.

Thương mại, dịch vụ trở thành sở trường đặc biệt của người Hoa ở Biên Hòa cũng như vùng Chợ Lớn (Thành phố Hồ Chí Minh) trước năm 1975. Khi đó, hầu hết các tiệm buôn bán lớn nhỏ ở nội ô Biên Hòa đều của người Hoa. Theo ông Tố Nguyên, nguyên Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Biên Hòa, trước năm 1975, người Hoa ở đây “có cả một hệ thống giao dịch từ nơi này đến nơi khác để kịp thời đáp ứng nhu cầu của thị trường”. Bất cứ mặt hàng nào, người Hoa ở Biên Hòa cũng có những tiệm buôn (lớn, nhỏ) của người Hoa, gắn liền với những cái tên quen thuộc hàng vài thập kỉ như: Bánh mì (*Lưu Dũ, Chú Lào*), thịt heo (*Lương Hồ, Lí Khưu*), thịt bò (*Bương Cung*), hàng vải (*Hồng Trà, Trần Điển, Tân Phát*), lò nấu rượu (*Hồng An Thiên, Hồng Cam Thủy*), khai thác lâm sản (*Lương Hồng Quyền, Trần Tánh*),...

Tiểu thủ công nghiệp cũng là một sở trường của người Hoa ở Biên Hòa. Trên địa bàn Biên Hòa, nhiều làng nghề truyền thống tồn tại hàng trăm năm gắn liền với cư dân người Hoa như làng gốm, làng đá... Sản phẩm gốm, đá mỹ nghệ của Biên Hòa không chỉ nổi danh trong tỉnh mà cả vùng Nam Bộ, thậm chí gốm Biên Hòa còn được xuất khẩu đi nhiều nước trên thế giới.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, sinh hoạt các bang người Hoa ở Biên Hòa không còn như trước. Tuy nhiên, tập quán, phương thức sản xuất, kinh doanh của người Hoa cũng không khác trước bao nhiêu. Hoạt động sản xuất, kinh doanh của người Hoa ở Biên Hòa hiện nay tập trung ở 3 lĩnh vực chính sau:

- *Thương mại, dịch vụ*: Đây là lĩnh vực hoạt động kinh doanh chiếm đa số người Hoa tham gia, tập trung đông nhất tại các phường: Thanh Bình, Hòa Bình, Quang Vinh, Trung Dũng. Hình thức kinh doanh là mở tiệm bán tạp hóa, tiệm ăn uống, tiệm thuốc Bắc có quy mô gia đình. Chỉ có một số hộ có điều kiện thành lập doanh nghiệp, nằm ở các trục giao thông như: Công ty TNHH Vĩnh Tường (phường Tân Mai), Công ty TNHH Trung Mỹ (phường Tân Biên), Công ty TNHH Tân Triều (phường Long Bình Tân), Công ty TNHH Vũ Phi (phường Tân Tiến), DNTN Vạn Phát 2 (xã Hóa An), DNTN Minh Mi (phường Tân Hiệp), DNTN Kim Mai 2 (phường Thanh Bình), DNTN Ngọc Thanh Lực (phường Quang Vinh).

- *Sản xuất, kinh doanh các ngành nghề truyền thống*: Ngành nghề truyền thống của người Hoa ở Biên Hòa tập trung vào nghề đá và gôm. Nghề làm đá một thời hưng thịnh ở khu vực Bửu Long (*đá xanh*), Bình Đa (*đá đỏ*). Nghề làm đá đỏ đến nay hầu như không còn vì nguồn đá khai thác đã hết. Nghề làm đá xanh hiện còn một số ít hộ dân người Hoa tại khu vực phường Bửu Long nhưng không phát triển như trước, chỉ tập trung vào những sản phẩm mỹ nghệ như: tượng, bia... Nghề làm gôm sau thời kì phát đạt ở thập niên 80, 90 của thế kỉ trước với hơn 30 doanh nghiệp nằm ở các phường Tân Vạn, Bửu Hòa, Hóa An, Tân Hạnh, do sự biến động của thị trường (xuất khẩu), hiện nay chỉ còn 3 doanh nghiệp:

Gốm Phong Sơn và Gốm Trường Thành chuyên sản xuất, kinh doanh các loại gốm đất cháy, đất đen và Hợp tác xã gốm Thái Dương chuyên sản xuất các loại gốm mỹ nghệ (đất trắng, đất đỏ).

- *Các ngành nghề khác:* Những năm gần đây, người Hoa ở Biên Hòa còn tham gia hoạt động vào một số ngành, nghề khác và lập nên được những doanh nghiệp như: xây dựng (Công ty TNHH Mạnh Hà), thủ công mỹ nghệ mây, tre, lá (Công ty TNHH Tân Thái), sửa chữa xà lan (DNTN Đặng Diệp), vận tải (DNTN Chí Linh), sản xuất cơ khí (DNTN Gia Mĩ)..

Nhìn chung, sản xuất, kinh doanh của người Hoa tại thành phố Biên Hòa những năm gần đây năng động và có khởi sắc hơn trước. Hoạt động sản xuất, kinh doanh của người Hoa ở Biên Hòa, theo ông Huỳnh Hữu Nghĩa, một nhà doanh nghiệp người Hoa, đánh giá là “phát triển thuận lợi, hội nhập bình đẳng hoàn toàn vào sự phát triển chung của tỉnh, song vẫn giữ được phong cách làm ăn riêng”. Đây cũng chính là “những nhân tố thuận lợi tạo nên sự thành công”, “tạo nên thế mạnh” trong sản xuất, kinh doanh của người Hoa nói chung và người Hoa ở Biên Hòa nói riêng.

2.1.1.2. Nhóm cư dân thứ hai

Đại bộ phận nhóm cư dân thứ hai sinh sống ở vùng nông thôn, trên địa bàn các huyện: Định Quán, Tân Phú, Thống Nhất, Trảng Bom, Xuân Lộc, Cẩm Mĩ... và thị xã Long Khánh. Do đó, trên 80% cộng đồng người Hoa ở Đồng Nai lao động trong lĩnh vực nông nghiệp như trồng trọt, chăn nuôi, các hoạt động dịch vụ mang tính phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của cư dân ở nông thôn.

- Sản xuất nông nghiệp

Đại bộ phận cư dân người Hoa ở nhóm thứ hai sống bằng nghề nông. Tỷ lệ số hộ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn một số địa phương như sau:

- + , Huyện Định Quán: 87%.
- + , Huyện Cẩm Mỹ: 86%.
- + , Huyện Tân Phú: 97%.
- + , Huyện Xuân Lộc: 85%.
- + , Thị xã Long Khánh: 88,83%.
- + , Huyện Trảng Bom: 76,44%.
- + , Huyện Thống Nhất: 82%.

Vốn có truyền thống cần cù, chịu khó trong lao động và tích lũy trong cuộc sống, bộ phận lớn người Hoa lao động trong nông nghiệp đều có đất, có tư liệu và công cụ phục vụ cho sản xuất. Trung bình, mỗi hộ sản xuất nông nghiệp của người Hoa ở Đồng Nai có từ 1 - 2 ha đất nông nghiệp, có hộ có từ 4 - 7 ha.

Hoạt động sản xuất nông nghiệp của người Hoa đa dạng trong nhiều ngành, nghề, từ trồng trọt đến chăn nuôi, phù hợp với điều kiện đất đai, khí hậu và lợi thế của mỗi vùng, mỗi khu vực. Do biết ứng dụng khoa học kỹ thuật, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, cơ cấu cây trồng vật nuôi hợp lý, các sản phẩm nông nghiệp đều đạt năng suất và chất lượng cao. Người Hoa canh tác chủ yếu là trồng các loại cây lâu năm và cây ăn trái như: điều, tiêu, cà phê, xoài... và trồng các loại cây ngắn ngày như: bắp, đậu nành, thuốc lá... Bà con đã tập trung đầu tư trang thiết bị, áp dụng khoa học kỹ thuật sử dụng các loại cây giống mới có giá trị và năng suất cao, từng bước chuyển đổi cơ cấu cây trồng, sản xuất thâm canh, xen canh, tăng vụ... nên hiệu quả sản xuất nông nghiệp ngày càng cao.

Trong hoạt động sản xuất nông nghiệp, nhiều hộ gia đình người Hoa ở Định Quán, Trảng Bom, Cẩm Mĩ thành lập được trang trại theo mô hình VAC đạt hiệu quả kinh tế cao. Tại các địa phương đều có những điển hình sản xuất, chăn nuôi giỏi như tại huyện Trảng Bom có hộ ông Vòng Ki Hánh (xã Cây Gáo) và hộ ông Lày Chi Hánh (Sông Thao) đạt danh hiệu nông dân sản xuất - kinh doanh giỏi của tỉnh vì có thu nhập bình quân đầu người từ trên 5 triệu đồng / tháng.

Nhìn chung, hoạt động lĩnh vực sản xuất nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi) của người Hoa đang diễn tiến theo chiều hướng phát triển thuận lợi. Đa số nông dân Hoa có đủ tư liệu sản xuất (tại huyện Tân Phú 97% hộ có đất canh tác), được khuyến khích đầu tư vốn, khoa học, kỹ thuật... Người Hoa từ địa bàn này có thể tham gia sản xuất, kinh doanh ở địa bàn khác tùy theo khả năng và điều kiện của mình. Chẳng hạn, hơn 50% hộ người Hoa tại phường Tân Phong (thành phố Biên Hòa), ngoài kinh doanh buôn bán tại địa phương, còn có đất sản xuất nông nghiệp tại huyện Trảng Bom, huyện Thống Nhất...

Tuy nhiên, trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp của đồng bào người Hoa ở Đồng Nai những năm gần đây, đang có những vấn đề đặt ra.

Một là, vẫn còn một bộ phận người Hoa thiếu đất, hoặc không có đất sản xuất. Trước đây, toàn tỉnh có khoảng 2.300 hộ thiếu đất hoặc không có đất sản xuất tập trung đông tại các huyện Định Quán (hơn 800 hộ), Trảng Bom (hơn 200 hộ). Hiện nay, trên địa bàn hai huyện này, tình hình đã được cải thiện căn bản, không còn hộ thiếu đất hoặc không có đất sản xuất. Ở huyện Định Quán, hộ ít đất canh tác nhất cũng đạt từ 1 đến 2 ha. Tuy nhiên, tình hình thiếu đất hoặc không có đất canh tác nông nghiệp còn ở một số nơi như: huyện Cẩm Mĩ

có 45 hộ. tập trung nhiều ở các xã Xuân Tây (19 hộ) và Nhân Nghĩa (18 hộ); thị xã Long Khánh có 73 hộ; huyện Xuân Lộc 40 hộ; huyện Thống Nhất 16 hộ; huyện Long Thành 8 hộ... Những hộ thiếu đất, không có đất sản xuất có xu hướng chuyển sang buôn bán nhỏ và đi làm công nhân tại các khu chế xuất, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh và các tỉnh lân cận.

Hai là, do tình hình giá cả thị trường nông sản chủ lực như cà phê, tiêu, điều... không ổn định, nông dân ở Đồng Nai nói chung, nông dân người Hoa nói riêng, gặp nhiều khó khăn. Có lúc giá nông sản xuống thấp, không bù đắp được chi phí sản xuất nên nhiều hộ giảm đầu tư, chăm sóc, thậm chí chặt bỏ loại cây trồng này chuyển sang loại khác. Vì vậy, việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng sản xuất hàng hóa trong những năm qua chủ yếu mang tính tự phát của người nông dân. Do đó, thiếu sự ổn định, không tránh khỏi những rủi ro khiến bản thân việc chuyển đổi cũng diễn ra chậm chạp.

- Hoạt động thương mại, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp

Đại đa số nhóm cư dân Hoa thứ hai ở Đồng Nai trước đây chỉ chuyên trồng trọt và chăn nuôi. Tuy nhiên, từ khi Đảng ta thực hiện đường lối đổi mới toàn diện và triệt để, hoạt động thương mại, dịch vụ trong cộng đồng người Hoa có chiều hướng tăng dần. Ở bất kì nhóm địa phương người Hoa nào trên địa bàn tỉnh hiện cũng có nhiều hộ hoạt động thương mại, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp. Nếu như trước năm 2000, số hộ người Hoa hoạt động thương mại, dịch vụ chỉ chiếm dưới 10% thì hiện nay tỉ lệ chung là xấp xỉ 15%. Từ năm 2001 đến năm 2005, toàn tỉnh đã có 10% dân số người Hoa từ lao động trong lĩnh vực nông nghiệp sang lao động trong lĩnh vực khác như: công nghiệp, tiểu thủ công

nghiệp, thương mại và dịch vụ (bình quân tăng 2,5%/năm).

Tại huyện Định Quán, đồng bào người Hoa vốn quen thuộc với việc trồng trọt, nhưng những năm gần đây ngày càng xuất hiện thêm nhiều hộ kinh doanh, làm nghề thủ công. Có nhiều doanh nghiệp tư nhân ra đời như: Doanh nghiệp Lợi Huê, Doanh nghiệp vàng bạc Thanh Bình, Kim Liên, Toàn Thắng, Hãng kem Thế Giới, một số doanh nghiệp kinh doanh vật tư xây dựng, thu mua hàng nông sản và các dịch vụ khác của người Hoa được Nhà nước cho phép hoạt động bình thường, đúng quy định pháp luật. Hiện tại, ở huyện Định Quán có 14% hộ tiểu thương và tiểu thủ công nghiệp, 1% hộ là chủ doanh nghiệp. Ngay tại xã Phú Lợi, 1 hợp tác xã tín dụng của người Hoa (Đại Lợi) đã được thành lập thực hiện có hiệu quả việc huy động tiền nhân rồi trong nhân dân vào luân chuyển cho vay để giúp bà con khắc phục tình trạng thiếu vốn trong sản xuất và kinh doanh. Hiện nay, Quỹ tín dụng nhân dân Đại Lợi với nguồn vốn hoạt động lên đến 12,5 tỷ đồng, trong đó nguồn vốn huy động tại chỗ với doanh số 54 tỷ đồng, doanh số vốn vay 26 tỷ đồng, doanh số uỷ thác trên 700 triệu đồng, vốn khác và các quỹ trên 860 triệu đồng...

Ở huyện Trảng Bom, do có quan hệ rộng rãi với cộng đồng người Hoa ở Thành phố Hồ Chí Minh, người Hoa ở các xã Bàu hàm, Sông Thao, Thanh Bình, Cây Gáo và thị trấn Trảng Bom đã đầu tư vào việc kinh doanh vàng bạc, vật liệu xây dựng, làm đại lí tiêu thụ nông sản phẩm. đại lí đan lát mây tre xuất khẩu...

Còn tại thị xã Long Khánh, có tới 147 hộ sản xuất kinh doanh dịch vụ; 8 hộ tiểu thủ công nghiệp; 8 hộ là chủ các doanh nghiệp chế biến nông sản, sửa chữa ô tô, cửa sắt... Ngay như ở huyện Cẩm Mĩ, vùng vốn thuần nông, nhưng hiện nay tỉ lệ hộ người Hoa làm nghề kinh doanh thương mại,

dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp đã chiếm 14%. Cá biệt, có nơi, như huyện Nhơn Trạch, hộ người Hoa hoạt động thương mại, dịch vụ (51,61%) lớn hơn hộ sản xuất nông nghiệp (18,7%).

Việc mở rộng và phát triển các ngành nghề kinh doanh, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp đã đa dạng hóa hoạt động kinh tế của nhóm cư dân thứ hai của cộng đồng người Hoa ở Đồng Nai. Đặc biệt, các hoạt động kinh doanh, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp này ở vùng nông thôn, gắn liền với sản xuất nông nghiệp nên đã hỗ trợ tích cực cho sản xuất, đời sống của cư dân người Hoa nói riêng, nhân dân trong vùng nói chung. Tuy nhiên, so với sự phát triển chung của nền kinh tế của tỉnh, sự chuyển đổi và phát triển các ngành, nghề này chưa thật mạnh mẽ; các doanh nghiệp tư nhân của người Hoa trên địa bàn hầu hết có quy mô vừa và nhỏ, chưa mở rộng quan hệ kinh doanh với nhiều địa phương khác và cả nước ngoài.

2.1.2. Tình hình đời sống, thu nhập, việc làm của người Hoa ở tỉnh Đồng Nai

2.1.2.1. Về thu nhập

Thu nhập của cộng đồng người Hoa ở Đồng Nai những năm qua gắn liền với sự phát triển kinh tế và mức thu nhập chung của nhân dân trong tỉnh.

Theo kết quả khảo sát, trong những năm qua đời sống của cộng đồng người Hoa có sự chuyển biến tích cực, thu nhập bình quân một hộ/năm có mức gia tăng đáng kể. Trong đó, tỷ lệ hộ giàu đã tăng từ 1% trước năm 2001 lên 15,84% năm 2005, thu nhập bình quân đầu người đạt trên 1.000.000 đồng/tháng; hộ khá tăng từ 20% lên 47,42%, thu nhập bình quân đầu người đạt trên 500.000 đồng/tháng; hộ trung bình giảm từ 70% xuống 30,5%, thu nhập bình quân đầu người

trên 200.000 đồng; hộ nghèo giảm từ 9% xuống 6,3%, thu nhập bình quân đầu người dưới 150.000 đồng/tháng.

Mức thu nhập bình quân của cộng đồng người Hoa ở thành thị là 1.100.000 đồng/người/tháng, ở nông thôn là 400.000 đồng/người/tháng; mức thu nhập bình quân của cộng đồng người Hoa ở đồng bằng là 1.050.000 đồng/người/tháng, ở miền núi là 300.000 đồng/người/tháng.

Theo kết quả khảo sát 600 hộ người Hoa ở Đồng Nai do Ban Dân vận Tỉnh ủy Đồng Nai tiến hành trong năm 2006, tình hình đời sống của người Hoa hiện nay như sau:

a. Về tổng thu nhập trong năm:

Nhóm có thu nhập khá và cao chiếm đại bộ phận tổng số hộ người Hoa (xem biểu 2.2.).

Biểu 2.1.

Tổng thu nhập trong năm của hộ gia đình người Hoa chia theo nhóm thu nhập

	Số hộ	Tổng thu nhập năm 2006	
		Tổng thu nhập (đ)	Tỷ lệ %
(1)	(2)	(3)	(4)
Nhóm 1	110	386.380	1,95
Nhóm 2	115	1.357.341	6,85
Nhóm 3	109	2.316.000	11,68
Nhóm 4	128	4.464.750	22,52
Nhóm 5	128	11.303.016	57,01
Tổng cộng	590	19.827.487	100

b. Về cơ cấu thu nhập:

Biểu 2.2.

Cơ cấu thu nhập của hộ gia đình người Hoa chia theo địa bàn khảo sát

a: Thành phố Biên Hòa

Các nguồn thu nhập	Số hộ	Thu nhập (đ)	Tỷ lệ %
Thu từ việc làm phi nông nghiệp tại nơi đang sống	150	5.907.010	88,88
Thu từ trồng trọt	150	205.000	3,08
Thu từ chăn nuôi	150	25.000	0,38
Thu nhập từ dịch vụ nông nghiệp có phương tiện	150	36.000	0,54
Người đi làm ăn xa gửi về	150	3.000	0,05
Thu ngoài việc làm 12 tháng qua	150	470.356	7,08
Tổng thu (12 tháng)	150	6.646.366	100

b. Huyện Trảng Bom

Các nguồn thu nhập	Số hộ	Thu nhập (đ)	Tỷ lệ %
Thu từ việc làm phi nông nghiệp tại nơi đang sống	100	670.150	34,02
Thu từ trồng trọt	100	1.051.100	53,36
Thu từ chăn nuôi	100	7.000	0,36
Thu nhập từ làm thuê nông nghiệp	100	35.200	1,79
Người đi làm ăn xa gửi về	100	50.000	2,54
Thu ngoài việc làm 12 tháng qua	100	156.450	7,94
Tổng thu (12 tháng)	100	1.969.900	100

c. Huyện Định Quán

Các nguồn thu nhập	Số hộ	Thu nhập (đ)	Tỷ lệ %
Thu từ việc làm phi nông nghiệp tại nơi đang sống	192	1.226.400	15,35
Thu từ trồng trọt	192	2.384.350	29,85
Thu từ chăn nuôi	192	33.260	0,42
Thu nhập từ dịch vụ nông nghiệp có phương tiện	192	7.000	0,09
Thu nhập từ làm thuê nông nghiệp	192	37.200	0,47
Người đi làm ăn xa gửi về	192	1.997.200	25,00
Thu ngoài việc làm 12 tháng qua	192	2.302.190	28,82
Tổng thu (12 tháng)	192	7.987.600	100

d. Huyện Cẩm Mỹ

Các nguồn thu nhập	Số hộ	Thu nhập (đ)	Tỷ lệ %
Thu từ việc làm phi nông nghiệp tại nơi đang sống	148	348.400	10,87
Thu từ trồng trọt	148	1.577.900	49,22
Thu từ chăn nuôi	148	426.700	13,31
Thu nhập từ dịch vụ nông nghiệp có phương tiện	148	138.001	4,30
Thu nhập từ làm thuê nông nghiệp	148	37.990	1,18
Người đi làm ăn xa gửi về	148	396.100	12,35
Thu ngoài việc làm 12 tháng qua	148	281.030	8,77
Tổng thu (12 tháng)	148	3.206.121	100